

Họ và tên: _____

Đề ôn Toán 4
Số 3

Học sinh khoanh vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

Câu 1. Trong các phân số: $\frac{3}{9}; \frac{5}{9}; \frac{1}{9}; \frac{7}{9}; \frac{4}{9}$ phân số nhỏ nhất là:

- A. $\frac{1}{9}$ B. $\frac{3}{9}$ C. $\frac{1}{9}; \frac{3}{9}$ D. $\frac{7}{9}$

Câu 2. Viết các phân số bé hơn 1, có mẫu số là 4 và tử số khác 0.

- A. $\frac{2}{4}; \frac{3}{4}; \frac{4}{4}$ B. $\frac{1}{4}; \frac{2}{4}; \frac{3}{4}$
C. $\frac{1}{4}; \frac{2}{4}; \frac{3}{4}; \frac{4}{4}$ D. $\frac{2}{4}; \frac{3}{4}; \frac{4}{4}; \frac{5}{4}$

Câu 3. Điền dấu thích hợp vào chỗ chấm: $\frac{13}{17} \dots \frac{15}{17}$

- A. > B. = C. < D. Không điền được

Câu 4. Tìm x, biết: $\left(x - \frac{1}{3}\right) + \frac{5}{3} = \frac{11}{3}$.

- A. $x = \frac{4}{3}$ B. $x = \frac{5}{3}$ C. $x = \frac{8}{3}$ D. $x = \frac{7}{3}$

Câu 5. Viết các phân số sau theo thứ tự từ bé đến lớn: $\frac{8}{13}; \frac{5}{13}; \frac{17}{13}$

- A. $\frac{17}{13}; \frac{8}{13}; \frac{5}{13}$ B. $\frac{5}{13}; \frac{8}{13}; \frac{17}{13}$ C. $\frac{17}{13}; \frac{5}{13}; \frac{8}{13}$ D. $\frac{17}{13}; \frac{8}{13}; \frac{5}{13}$

Câu 6. Phân số nào dưới đây bé hơn phân số $\frac{4}{9}$?

- A. $\frac{7}{9}$ B. $\frac{2}{9}$ C. $\frac{10}{9}$ D. $\frac{8}{9}$

Câu 7. Tìm các số tự nhiên x khác 0 để: $1 < \frac{x}{4} < \frac{7}{4}$.

- A. $x = 4; 5; 6$ B. $x = 5; 6; 7$ C. $x = 5; 6$ D. $x = 6; 7$

Câu 8. Phân số lớn nhất trong các phân số: $\frac{6}{11}; \frac{9}{11}; \frac{2}{11}; \frac{8}{11}; \frac{5}{11}$ là:

- A. $\frac{9}{11}$ B. $\frac{5}{11}$ C. $\frac{8}{11}$ D. $\frac{2}{11}$

Câu 9. Tính: $\frac{1}{8} + \frac{3}{8} + \frac{17}{8}$.

- A. $\frac{20}{8}$ B. $\frac{19}{8}$ C. $\frac{17}{8}$ D. $\frac{21}{8}$

Câu 10. Hộp thứ nhất đựng $\frac{9}{5}$ kg kẹo. Hộp thứ hai đựng ít hơn hộp thứ nhất $\frac{3}{5}$ kg kẹo.

Hỏi hộp thứ hai đựng bao nhiêu ki-lô-gam kẹo?

- A. $\frac{9}{5}$ kg B. $\frac{6}{5}$ kg C. $\frac{7}{5}$ kg D. $\frac{8}{5}$ kg

Câu 11. Tính giá trị của biểu thức: $B = \frac{8}{27} + \frac{4}{15} + \frac{19}{27} + \frac{11}{15}$.

- A. 1 B. 3 C. 2 D. 4

Câu 12. Tìm x, biết: $\frac{18}{19} + x = \frac{31}{19}$.

- A. $\frac{12}{19}$ B. $\frac{13}{19}$ C. $\frac{14}{19}$ D. $\frac{15}{19}$

Câu 13. Tính hợp lý: $A = \frac{2}{5} + \frac{6}{9} + \frac{3}{4} + \frac{3}{5} + \frac{1}{3} + \frac{1}{4}$.

- A. $A = 3$ B. $A = 4$ C. $A = 5$ D. $A = 6$

Câu 14. Rút gọn rồi tính: $\frac{78}{42} - \frac{4}{7}$.

- A. $\frac{10}{7}$ B. $\frac{7}{9}$ C. $\frac{9}{10}$ D. $\frac{9}{7}$

Câu 15. Tổng của hai phân số là $\frac{14}{17}$. Nếu thêm $\frac{1}{17}$ vào phân số thứ nhất thì tổng mới là bao nhiêu?

- A. $\frac{16}{17}$ B. $\frac{15}{17}$ C. $\frac{18}{17}$ D. $\frac{19}{17}$

Câu 16. Một hình chữ nhật có nửa chu vi là $\frac{30}{8}$ m. Chiều rộng là $\frac{3}{8}$ m. Chiều dài hình chữ nhật là:

- A. $\frac{27}{8}$ m B. $\frac{28}{8}$ m C. $\frac{29}{8}$ m D. $\frac{8}{27}$ m

Câu 17. Một đội công nhân sửa đường. Tuần đầu sửa được $\frac{2}{5}$ quãng đường. Tuần hai sửa được $\frac{19}{5}$ quãng đường. Hỏi sau hai tuần đội công nhân đó sửa được bao nhiêu phần quãng đường?

- A. $\frac{18}{5}$ quãng đường B. $\frac{19}{5}$ quãng đường
C. $\frac{21}{5}$ quãng đường D. $\frac{22}{5}$ quãng đường

Câu 18. Tìm một phân số, biết rằng nếu đem phân số đó cộng với $\frac{4}{5}$ rồi trừ đi $\frac{11}{5}$ thì ta được phân số $\frac{24}{5}$.

- A. $\frac{28}{5}$ B. $\frac{29}{5}$ C. $\frac{32}{5}$ D. $\frac{31}{5}$

Câu 19. Một hình chữ nhật có chiều dài là $\frac{13}{8}$ m và hơn chiều rộng $\frac{1}{8}$ m. Tính nửa chu vi của hình chữ nhật đó.

- A. $\frac{23}{8}$ m B. $\frac{25}{8}$ m C. $\frac{26}{8}$ m D. $\frac{27}{8}$ m

Câu 20. Tìm x, biết: $\frac{x}{125} = \frac{8}{5} - \frac{6}{5}$.

- A. x = 48 B. x = 49 C. x = 50 D. x = 51

HƯỚNG DẪN CHẤM

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
Câu 1	A	Câu 11	C
Câu 2	B	Câu 12	B
Câu 3	C	Câu 13	A
Câu 4	D	Câu 14	D
Câu 5	B	Câu 15	B
Câu 6	B	Câu 16	A
Câu 7	C	Câu 17	C
Câu 8	A	Câu 18	D
Câu 9	D	Câu 19	B
Câu 10	B	Câu 20	C